TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST Ngày 17-5-2019 V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị H và anh M”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm QT, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn M, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm TN, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(chị H xin vắng mặt, anh M vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Dương Văn M đăng ký kết hôn ngày 16-12-2014 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm Tây Ninh, xã HC một thời gian, do công việc của anh M thường xuyên đi làm thợ xây xa nhà, chị H dạy học tại HL nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Quang Trung, xã HL để ở. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, khi

chị H mang thai và sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M đi làm nhưng do ham chơi nên dẫn đến anh M phải nợ nần, không chu cấp tiền cho chị H nuôi con, chị H còn nhiều lần phải trả nợ cho anh M. Ngoài ra khi đi làm tại Hà Nội, anh M còn có quan hệ ngoại tình và về đánh đập chị H. Đến nay chị H và anh M không còn tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc gì với nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H làm đơn xin ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Quỳnh N, sinh ngày 30-8-2015 và cháu Dương Trần Gia B, sinh ngày 20-11-2016. Hiện nay hai con đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản chung và công nợ: Do vợ chồng không có tài sản, không vay nợ chung nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Dương Văn M đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và nhận các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Dương đều vắng mặt. Tòa án đã gửi tòa bộ các văn bản tố tụng nêu trên cho anh M qua đường bưu chính và giao cho mẹ đẻ anh Dương nhận thay. Chị H cũng đã gửi cho anh M bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kém theo. Như vậy, anh M đã biết được quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình gữa chị H và anh M cũng như biết được yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh M vẫn không có mặt, không thể hiện ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Dương Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Dương Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh M theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Dương Văn M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 16-12-2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, khi chị H mang thai và sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M ham chơi nên dẫn đến anh

M phải nợ nần, không chu cấp tiền cho chị H nuôi con, chị H còn nhiều lần phải trả nợ cho anh M. Ngoài ra khi đi làm trên Hà Nội, anh M còn có quan hệ ngoại tình và về đánh đập chị H. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh M.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Dương Văn M, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, anh M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay, anh M không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Dương Văn M là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Dương Văn M có 02 con chung là cháu Dương Quỳnh N, sinh ngày 30-8-2015 và cháu Dương Trần Gia B, sinh ngày 20-11-2016, hiện hai con đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh M đến nay không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của chị H. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị H thì thấy: Hiện hai con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, hai con còn nhỏ tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị H hiện là giáo viên trường mầm non xã HL nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con, hơn nữa đến nay anh M cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H về việc nuôi con chung; giao 02 con chung cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không buộc anh Dương Văn M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Do chị Trần Thị H không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, đến nay anh M cũng không có ý kiến gì về tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Dương Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Trần Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Dương Quỳnh N, sinh ngày 30-8-2015 và cháu Dương Trần Gia B, sinh ngày 20-11-2016 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình. Anh Dương Văn M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000312 ngày 20-02-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HC : (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái